

Số: 96 /NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 2073/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024, bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách nhà nước dự kiến 4.020,162 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách địa phương 2.904,126 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách trung ương 1.116,036 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số I.b)

2. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024

a) Nguồn ngân sách địa phương:

- Vốn cân đối ngân sách 592 tỷ đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 500 tỷ đồng.
- Xổ số kiến thiết 1.800 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương 12,126 tỷ đồng.

b) Nguồn ngân sách trung ương

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực 828,296 tỷ đồng.
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia 247,321 tỷ đồng.
- Vốn ODA 40,419 tỷ đồng.

(Kèm theo các Biểu II.a, II.c, III, IV)

Số vốn trên là dự kiến của địa phương, sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến, thông báo số kiểm tra, địa phương sẽ tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Sam
Nguyễn Thành Tâm



Biểu mẫu số I.b

ƯỚC TÍNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2023					KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Kế hoạch Thủ tướng CP giao	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	TỔNG SỐ	4,061,544	1,930,768	3,102,451	4,475,651	24,391,891	4,020,162		
1	Vốn NSNN	4,061,544	1,930,768	3,102,451	4,475,651	24,391,891	4,020,162		
	Trong đó:								
a)	Vốn ngân sách địa phương	2,796,946	1,458,199	2,264,000	3,314,818	19,893,186	2,904,126		
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xố số và bội chi)	563,946	237,815	410,000	570,005	7,435,089	592,000		
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	500,000	357,018	620,000	881,813	3,193,040	500,000		
-	Xố số kiến thiết	1,670,000	841,140	1,200,000	1,800,000	9,109,560	1,800,000		
-	Bội chi ngân sách địa phương	63,000	22,226	34,000	63,000	155,497	12,126		
	Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương								
b)	Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương	1,264,598	472,569	838,451	1,160,833	4,498,705	1,116,036		
-	Vốn trong nước	874,700	351,930	591,000	874,700	3,520,219	828,296		
	Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	130,000	13,471	61,000	130,000	130,000			
-	Vốn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG	124,661	63,895	100,000	124,661	480,543	247,321		



STT	Nguồn vốn	Năm 2023				KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Kế hoạch Thủ tướng CP giao	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024			
	+ CT MTQG Phát triển KTXH vùng ĐVDITS và miền núi	7,412	789	3,000	7,412	26,352	7,955	
	+ CT MTQG giảm nghèo bền vững	3,079	-	1,000	3,079	10,111	6,156	
	+ CT MTQG xây dựng nông thôn mới	114,170	63,106	96,000	114,170	444,080	233,210	
-	Vốn nước ngoài	265,237	56,744	147,451	161,472	497,943	40,419	
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật							

Biểu mẫu II.a

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023					Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/01/2024					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	12	14	15	26	27		31
	TỔNG SỐ						5,628,945	2,930,000	1,016,479	744,700	368,201	338,459	614,742	1,016,479	744,700	1,364,296	828,296		
A	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG						647,776	530,000	-	-	-	-	-	-	-	238,549	234,549		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024						95,752	80,000	-	-	-	-	-	-	-	8,549	4,549		
1	Đường vào đồn Biên phòng Suối Lam	B	Tân Châu	13.653,16m	2021-2024	677/QĐ-UBND 24/3/2021; 2178/QĐ-UBND 10/9/2021	95,752	80,000								8,549	4,549		
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2024						552,024	450,000	-	-	-	-	-	-	-	230,000	230,000		
1	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	B	Tân Biên	Xây dựng trạm kiểm soát liên hợp, nhà ở các lực lượng liên ngành; trạm kiểm soát biên phòng; quốc lộ; đường trục chính, bãi xe, kho	2022-2025	1108/QĐ-UBND 23-5/2021	176,124	130,000								130,000	130,000		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023						Dự kiến kế hoạch 2024		Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/01/2024					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	12	13	14	15	26	27	31	
2	Xây dựng cửa khẩu chính Phước Tân	B	Châu Thành	Xây dựng trạm kiểm soát liên hợp, nhà ở các lực lượng liên ngành; trạm kiểm soát biên phòng; quốc mìn; đường trục chính; bãi xe, kho	2022-2025	1107/QĐ-UBND 23-5/2021	202.213	170.000									50.000	50.000		
3	Nâng cấp đường kết nối với cửa khẩu quốc tế Tân Nam (đoạn từ cửa khẩu quốc tế Tân Nam đến ngã ba giao ĐT.788 và ĐT.783)	B	Tân Biên	Đường BTXM, bmd=8m, bmd=9m, dài khoảng 11 km	2024-2025		173.687	150.000									50.000	50.000		Đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025
B	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN						221.183	180.000	35.000	27.000		-	15.000	10.000	35.000	27.000	155.000	153.000		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						221.183	180.000	35.000	27.000		-	15.000	10.000	35.000	27.000	155.000	153.000		
1	Trạm bơm Tân Long	B	Tân Châu	Tưới, tiêu diện tích 732 ha	2022-2025	1105/QĐ-UBND 23/5/2021	221.183	180.000	35.000	27.000			15.000	10.000	35.000	27.000	155.000	153.000		
C	LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						234.834	150.000	31.000	31.000	2.862	2.862	10.000	10.000	31.000	31.000	-	-		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						234.834	150.000	31.000	31.000	2.862	2.862	10.000	10.000	31.000	31.000	-	-		



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023						Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú		
							TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/01/2024		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	12	13	14	15	26	27	31	
1	Bờ kè chống sạt lở suối Cắn Đặng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên	B	Thị trấn Tân Biên	Dài 1.780m	2020-2023	1641/QĐ-UBND 31/7/2020 (đ/c) 1434/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 (đ/c)	234,834	150,000	31,000	31,000	2,862	2,862	10,000	10,000	31,000	31,000				
D	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						4,525,152	2,070,000	950,479	686,700	365,339	335,597	589,742	510,000	950,479	686,700	770,747	270,747		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024						1,108,915	870,000	295,700	286,700	114,080	114,080	160,000	160,000	295,700	286,700	170,747	170,747		
1	Đường 794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	B	Tân Châu	16km BTXM	2021-2024	2688/QĐ-UBND 03/11/2020; 857/QĐ-UBND 14/4/2021	499,942	370,000	109,000	100,000	26,912	26,912	40,000	40,000	109,000	100,000	115,749	115,749		
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.795	B	Tân Châu, Tân Biên	36,2km BTN	2021-2024	1036/QĐ-UBND 11/5/2021	608,973	500,000	186,700	186,700	87,168	87,168	120,000	120,000	186,700	186,700	54,998	54,998		
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						3,416,237	1,200,000	654,779	400,000	251,259	221,517	429,742	350,000	654,779	400,000	600,000	100,000		

3

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023						Dự kiến kế hoạch 2024			Ghi chú		
							TMĐT		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/01/2024		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	12	13	14	15	26	27	31	
3	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT.787B-ĐT.789	A	TX Trảng Bàng, DMC	46,5km BTN, bmd=19,5m, bnd=22,5m	2021-2026	1492/QĐ-UBND 12/7/2021	3,416,237	1,200,000	654,779	400,000	251,259	221,517	429,742	350,000	654,779	400,000	600,000	100,000	Dự án quan trọng, có tính chất liên vùng	
E	LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ						410,042	360,400	-	-	-	-	-	-	-	-	200,000	170,000		
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2024						410,042	360,400	-	-	-	-	-	-	-	-	200,000	170,000		
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài		Khu KTKC Mộc Bài huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Đường giao thông nội bộ KKTKC	2022-2025	1106/QĐ-UBND 23/5/2021	410,042	360,400									200,000	170,000		



Biểu mẫu II.b

PHẠM HỮU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 96 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng																									
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Năm 2023												Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch 2024 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Ghi chú
							Quyết định đầu tư		Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/9/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
	TỔNG SỐ						159,096	130,000	130,000	130,000	13,471	61,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000					
A	LĨNH VỰC Y TẾ						159,096	130,000	130,000	130,000	13,471	61,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						159,096	130,000	130,000	130,000	13,471	61,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000					
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu Tây Ninh	C	huyện Dương Minh Châu	Diện tích 1.513m2	2021-2023	43/QĐ-SKHĐT 31/12/2023	18,993	18,000	18,000	18,000	9,534	12,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000					
2	Dự án xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tây Ninh	B	TP. Tây Ninh	Diện tích 3.325m2; Trang thiết bị...	2021-2024	UBND 17/12/2023	76,747	51,000	51,000	51,000	3,937	31,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000					
3	Đầu tư Trang thiết bị cho 06 Trung tâm Y tế huyện và 42 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Tây Ninh	B	toàn tỉnh	Mua sắm trang thiết bị	2022-2024	06/12/2023	63,356	61,000	61,000	61,000		18,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000					

TỈNH MINH THỨC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NO-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đầu tư tính đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trung đại:				Ghi chú
															Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất, thuê đất	Xã số kiến thiết	Ngân hội chủ nhân sách địa phương	
TỔNG CỘNG																			
A	NGÂN SÁCH TỈNH										10.240.290	9.244.400	4.463.329	2.904.126	592.000	500.000	1.800.000	12.126	
A.1	TỈNH QUẢN LÝ										10.240.290	9.244.400	4.463.329	2.904.126	592.000	500.000	1.800.000	12.126	
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										4.819.290	9.244.400	957.967	1.296.126	372.000	192.000	720.000	12.126	
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN										4.819.290	9.244.400	957.967	1.296.126	372.000	180.000	720.000	12.126	
III	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP										2.628.190	4.997.413	957.967	904.946	191.620	32.000	669.200	12.126	
III.1	QUỐC PHÒNG										138.200	153.805	75.123	63.070	63.070	-	-	-	
1	Đồn biên phòng cửa khẩu Phước Tân (843)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	Theo thiết kế mẫu đơn biên phòng năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ quốc phòng	2022-2024	1692/QĐ-UBND 28/7/2021	288/QĐ-SKHDT 02/11/2021	36.000	40.000	35.123	870	870				
2	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện Trung đoàn bộ binh 174 (gần đơn 1)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	xã Tân Phú, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 186.571m2	2021-2024	2905/QĐ-UBND 08/11/2021	1661/QĐ-UBND 05/08/2022	77.200	85.799	30.000	47.200	47.200				
3	Xây mới Hội trường 300 chỗ tại CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 2.146m2	2023-2025	3275/QĐ-UBND 01/12/2021	257/QĐ-SKHDT 25/11/2022	25.000	28.106	10.000	15.000	15.000	-	8.000	-	
III.1.2	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH										22.000	24.500	5.000	8.000	-	-	-	-	
1	Dự án thiết lập hệ thống bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các huyện, thị xã, thành phố	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7873773	139	Các cơ sở khám chữa bệnh công lập	2023-2025	2272/QĐ-UBND 07/10/2020; 1350/QĐ-UBND 25/6/2021 (đ/c)	137/QĐ-SKHDT 21/5/2021; 274/QĐ-SKHDT 14/12/2022 (đ/c)	22.000	24.500	5.000	8.000			8.000		
III.1.3	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP										56.300	79.422	31.160	22.300	-	-	22.300	-	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952472	074	KTX, Trung thiết bị, hạng mục phụ	2022-2024		134/QĐ-SKHDT 12/06/2022	7.200	14.780	5.000	2.300	2.300		2.200		
2	Trường THPT Dương Minh Châu (cơ sở 2)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952475	074					4.200	4.773	2.700	1.500			1.500		
3	Trường THPT Nguyễn Huệ	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7900085	074	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024		23/QĐ-SKHDT 22/02/2023	15.000	16.832	9.000	6.000			6.000		
4	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952476	074					10.900	12.167	4.000	6.900			6.900		
5	Trường THPT Lương Thế Vinh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952473	074					8.400	9.371	6.000	2.400			2.400		
6	Trường THPT Lê Hồng Phong	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952474	074					6.800	7.699	4.000	2.800			2.800		
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng, phần mềm, trang thiết bị công nghệ thông tin cho Trung tâm dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tây Ninh	Sở Lao động - Thương mại và Xã hội	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952474	074	Cải tạo, nâng cấp				3.800	14.000	460	500			500		
III.1.4	VĂN HÓA, THỐNG TIN										12.000	12.638	10.000	2.000	-	2.000	-	-	
a	VĂN HÓA										12.000	12.638	10.000	2.000	-	2.000	-	-	
1	Tu bổ, tôn tạo DTSL, Chiến thắng Tui Hai -GB2	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	xã Đông Khởi, huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7846788	161	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng và mua thiết bị văn phòng...	2022-2024	2023/QĐ-UBND 26/8/2021; 1311/QĐ-UBND 13/6/2022 (đ/c)	100/QĐ-SKHDT 24/6/2022	12.000	12.638	10.000	2.000			2.000		
III.1.5	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG										108.690	402.199	82.780	28.126	16.000	-	-	12.126	
a	MÔI TRƯỜNG										108.690	402.199	82.780	28.126	16.000	-	-	12.126	



STT	Dự án	Chức năng dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán đầu tư khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trung đại:				Chú thích
															Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất, thuế đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn vốn chủ ngân sách địa phương	
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh giai đoạn 1	UBND thành phố Tây Ninh	thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7232853	262	5.000 m ³ /ngày	2018-2023	1634/QĐ-TTg 26/10/2017	835/QĐ-UBND 12/01/2018; 12/01/2018; 413/QĐ-UBND 08/02/2018; 2372/QĐ-UBND 25/02/2018; 2741/QĐ-UBND 12/11/2018; 3147/QĐ-UBND 22/11/2021 (đợt)	66.690	355.590	52.780	22.126	10.000				Đang trình điều chỉnh lại thực hiện
2	Hệ thống thu gom nước thải và vỉa hè Khu phố 3, Khu phố 4 thị trấn Dương Minh Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Dương Minh Châu	thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7945273	262	Đầu tư đường ống thu gom và xây dựng vỉa hè	2023-2025	2856/QĐ-UBND 04/11/2021	107/QĐ-SKHDT 11/7/2022	42.000	46.609	30.000	6.000	6.000				
II.1.6	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ										2.234.500	4.298.018	720.004	766.350	99.550	30.000	636.800	-	
a	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN										175.100	394.371	61.910	76.450	76.450			-	
1	Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển rừng sản xuất huyện Tân Biên giai đoạn 2020-2025 (theo Đề án quản lý, phát triển rừng sản xuất của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030)	UBND huyện Tân Biên	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7857275	282	Trồng mới 90 ha...	2021-2025	2827/QĐ-UBND 01/11/2021 (đợt)	201/QĐ-SKHDT 28/7/2021	12.000	12.599	8.960	3.000	3.000				
2	Kênh tiêu Suối Bàu Rong Giã Bình	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	thị xã Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917430	283	4,5km	2022-2024	2115/QĐ-UBND 07/9/2021	316/QĐ-SKHDT 09/12/2021	15.000	17.000	7.300	7.700	7.700				
3	Kênh tiêu Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916554	283	Dài 4,7km	2022-2024	2114/QĐ-UBND 07/9/2021	311/QĐ-SKHDT 06/12/2021	13.500	14.999	7.600	5.900	5.900				
4	Kênh tiêu Suối Ông Hưng	Ban QLDA ĐTXD ngành NN và PTNT	huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916010	283	Dài 200 ha	2022-2024	2073/QĐ-UBND 01/9/2021	310/QĐ-SKHDT 03/12/2021	7.200	8.000	5.700	1.500	1.500				
5	Xây dựng nhà trạm BVR - ĐG QL&V&PTR	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933893	282	Xây mới 12 nhà, trạm BVR tại 12 vị trí thuộc khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	2023-2025	1751/QĐ-UBND 02/8/2021	219/QĐ-UBND 28/10/2022	7.000	7.000	3.000	4.000	4.000				
6	Trạm bơm Tân Long	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7911088	283	Tuần tiêu diện tích 732 ha	2022-2025	1105/QĐ-UBND 23/5/2021	1576/QĐ-UBND 01/8/2022	10.000	218.046	8.000	2.000	2.000				NSTW giai đoạn 2021-2025: 180 tỷ đồng
7	Trồng rừng mới Khu rừng Văn hóa - Lịch sử Núi Bà gần đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen	huyện Dương Minh Châu và thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8028683	282	Trồng mới 50 ha	2023-2025		64/QĐ-SKHDT 24/5/2023	1.500	1.659	770	730	730				
8	Bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	huyện Tân Châu và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8024408	282	Trồng mới 1.000 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025		55/QĐ-SKHDT 27/4/2023	30.200	33.905	18.000	8.000	8.000				
9	Bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8018049	282	Trồng mới 38,7 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025		61/QĐ-SKHDT 19/5/2023	1.500	1.668	380	1.120	1.120				
10	Nạo vét kênh Gò Suối	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu và TX Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917428	283	Dài 5,13km	2023-2025		31/QĐ-SKHDT 06/5/2023	23.000	21.842	550	12.000	12.000				
11	Nạo vét kênh Dầu Xu từ cầu Dầu Xu đến giáp rạch Vàm Bào	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933889	283	Tiên thoát nước cho lưu vực 5.045 ha đất nông nghiệp và DT 730 ha khu dân cư và khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	2023-2025		57/QĐ-SKHDT 05/5/2023	18.000	17.209	350	8.000	8.000				

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư	QĐ đầu tư (nếu có)	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy từ vốn tính đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:			Chi chú	
															Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất, thuế đất	Xổ số kiến thiết	Ngân bộ chỉ ngân sách địa phương	
12	Kênh tiêu Suối Nước Dục	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933891	283	Dài 8.860m	2023-2025		70/QĐ-SKHDT 29/5/2023	33.000	36.944	600	20.000	20.000				
13	Sửa chữa, xây mới một số hạng mục trại giống, cây trồng	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933892	283	980m2	2023-2025		97/QĐ-SKHDT 22/6/2023	3.200	3.500	700	2.500	2.500				
b	GIÁO THƯỜNG										1.583.000	3.730.970	460.594	583.000	-	-	583.000	-	
1	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789	Ban QLDA DTXD ngành Giao thông	Thị xã Trảng Bàng - Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7866652	292	48,113km BTN	2021-2026	43/NQ-HĐND 10/12/2019; 18/NQ-HĐND 28/5/2021	1492/QĐ-UBND 12/7/2021	1.400.000	3.416.238	430.594	500.000	500.000			500.000	
2	Đường Trường Hòa - Chia Lã (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến DT.784)	Ban QLDA DTXD ngành Giao thông	thị xã Hòa Thành và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7943997	292	Dài 4.963,47m	2022-2025		2737/QĐ-UBND 29/12/2022	180.000	218.845	30.000	80.000	80.000			80.000	
3	Đường vào dân Biên phòng Suối Lạm	Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	Tân Châu				Tổng chiều dài tuyến khoảng 3.280 mét; mặt đường cốt dề rộng 5,0 mét; nền đường rộng 7,0 mét	2021-2024			3.000	95.887		3.000	3.000			3.000	
c	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ										52.000	58.048	15.000	5.000	-	-	5.000	-	
1	Đường DID 6A Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bai	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933029	292	Dài 1.070m	2022-2023	939/QĐ-UBND 26/4/2021	135/QĐ-BQLKKT 30/11/2021	52.000	58.048	47.000	5.000	5.000			5.000	Đơn vị địa chính địa phương
d	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC										63.800	72.510	42.500	21.300	21.300			21.300	
1	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Đông, Tân Thành, Tân Châu	Ban QLDA DTXD ngành NN&PTNT	Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910594	311	Sân chừa, cấp nước cho khoảng 500 hộ dân	2022-2024	1587/QĐ-UBND 19/7/2021	342/QĐ-SKHDT 28/12/2021	3.200	3.500	2.200	1.000	1.000			1.000	
2	Mở rộng khu vực cấp nước xã Tân Hòa	Ban QLDA DTXD ngành NN&PTNT	xã Tân Hòa, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7916011	311	Cấp nước cho khoảng 2.380 hộ	2022-2024	1860/QĐ-UBND 11/8/2021	347/QĐ-SKHDT 28/12/2021	11.700	13.000	11.000	700	700			700	
3	Chống ngập điểm ngập 140 ha tại phường Ninh Thành	BQLDA DTXD tỉnh	thị trấn phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7818181	311	Giải quyết tình trạng ngập úng nghiêm trọng tại một số tuyến đường trên địa bàn	2022-2024	3012/QĐ-UBND 11/11/2021	21/QĐ-SKHDT 13/01/2022	25.000	29.310	21.500	3.500	3.500			3.500	
4	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Đông Trĩa, Tân Đông, Tân Châu	BQLDA DTXD ngành NN&PTNT	số Tân Đông, huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910598	311	Nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục trạm cấp nước, CS 30 m³/s, cung cấp cho khoảng 600 hộ dân	2022-2024	1593/QĐ-UBND 19/7/2021	346/QĐ-SKHDT 28/12/2021	13.000	14.500	5.000	8.000	8.000			8.000	
5	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Thanh Lợi, Thanh Bình, Tân Biên	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	Thanh Bình, huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933888	311	500 hộ	2023-2025		42/QĐ-SKHDT 24/3/2023	8.000	9.000	2.000	6.000	6.000			6.000	
6	Nâng cấp, sửa chữa HTCN áp Tân Trung, Tân Bình, TP Tây Ninh	Ban Quản lý DA DTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	Tân Bình, TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933886	311	400 hộ	2023-2025		60/QĐ-SKHDT 12/5/2023	2.900	3.200	800	2.100	2.100			2.100	
d	CÔNG NGHIỆP THƯƠNG TIN										35.600	42.119	20.000	15.600	8.100	-	7.000		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy giai đoạn 2021-2025	VPTỉnh ủy	Tỉnh ủy	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7924497	314	Đầu tư trang thiết bị, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ phân và vận tải của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tỉnh ủy TP. Ninh	2023-2024		730/QĐ-UBND 24/3/2023	35.600	42.119	20.000	15.600	8.100			7.500	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế toán định đầu tư từ báo cáo đầu tư kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất, thuê đất	Xã số kiến thiết	Ngân lợi chi ngân sách địa phương	Chi chủ
8	CẬP VỐN ĐIỀU LỆ CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ CHUYỂN NHƯỢNG NGUỒN SÁCH CỦA CÁC BÀI LUYỆN TẬP DỰNG ƯU ĐÃI PHÍ QUẢN LÝ, HỖ TRỢ PHÁP LÝ CÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHÀ VÀ VỮA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỮA, HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ										375,000	-	120,000	65,000	15,000	30,000	20,000	-	
1	Hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018										30,000	-	-	5,000	5,000				
2	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội										220,000		120,000	50,000		30,000	20,000		
3	Hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020										50,000			5,000	5,000				
4	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ										25,000			5,000	5,000				
II.1.7	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ YẾM LỰC CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI										13,100	12,041	7,600	5,500	5,500				
1	Cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Ngoại vụ và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013680	341	Mua sắm, lắp đặt máy lạnh mới; sửa chữa một số hệ thống máy lạnh hiện trạng	2022-2024			6,300	6,630	3,000	3,300					
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013679	341	Sửa chữa, cải tạo	2023-2024		89/QĐ-SKCHĐT 14/6/2023	3,000	2,118	1,800	1,200					
3	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng UBND tỉnh và Trụ sở Ban liên Công dân tỉnh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8013678	341	Cải tạo, sửa chữa	2023-2024		90/QĐ-SKCHĐT 14/6/2023	3,800	3,293	2,800	1,000					
II.1.8	XÃ HỘI										13,400	14,690	11,300	2,100	-		2,100	-	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh (giai đoạn 3)	BQLDA ĐTXD tỉnh	Tân Hưng, Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917425	398	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	1908/QĐ-UBND 13/8/2021	360/QĐ-SKCHĐT 31/12/2021	13,400	14,690	11,300	2,100			2,100		
II.1.9	CÁC NHIỆM VỤ, CHỨC NĂNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT										30,000		15,000	7,500	7,500		-		
1	Chi trả nợ gốc và lãi vay										30,000		15,000	7,500	7,500				
II.2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI										2,191,100	4,246,987	-	359,100	160,300	140,000	50,000	-	
II.2.1	QUỐC PHÒNG										29,000	274,473	-	10,000	10,000				
1	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7900087	011	Xây dựng cửa khẩu	2022-2025			29,000	274,473		10,000	10,000				NSTW giai đoạn 2021-2025: 130 tỷ đồng
II.2.2	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI										11,600	12,887	-	6,500	6,500	-	-	-	
1	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Tân Châu	Công an Tây Ninh	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004692	041	Xây mới nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	1999/QĐ-UBND 24/8/2021		8,600	9,587		5,000	5,000				
2	Chi neo đầu tư thuyền Dân Công an hồ nước Dầu Tiếng	Công an Tây Ninh	Sĩ Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004692	041	Nhà neo đầu, bãi quản tàu thuyền, ca nô vận DTT 397,46m ²	2023-2025			3,000	3,300		1,500	1,500				Đơn vị điều chỉnh TG theo hiện dự án
II.2.3	VĂN HÓA, THÔNG TIN										120,500	150,720		36,880	13,880	23,000	-	-	
a	VĂN HÓA										120,500	150,720	-	36,880	13,880	23,000	-	-	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính từ khi công bố kết quả đấu thầu trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trong đó:				Chi chủ
														Ngân sách tập trung	Ngân thu từ các nguồn khác	Xã số kiến thiết	Ngân sách địa phương	
1	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao (giai đoạn 2)	BQLDA DTXD tỉnh	xã Thái Bình - huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh			Xây dựng bể bơi, cải tạo khu vực sân bóng đá, sân tennis, sân cầu lông, bể bơi ngoài trời phục vụ tập luyện và sinh hoạt của vận động viên	2023-2026		47.000	69.870		15.000	15.000				
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh, Nhà thi đấu bóng bàn (cũ) thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	Phường 3, TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh			Cải tạo, sửa chữa	2023-2025		13.500	14.278		8.000	8.000				
3	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục, công trình thuộc Di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương lực lượng Nam	BQLDA DTXD tỉnh	huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh			Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục, công trình	2023-2025		60.000	65.872		13.880	13.880				
II.2.4 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG																		
a MÔI TRƯỜNG																		
1	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hòa Thành giai đoạn 2	Ban QLDA DTXD tỉnh	TX Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	262		Xây mới trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải	2023-2025	38/NQ-HĐND 20/7/2022	100.000	349.998		20.000	20.000				
II.2.5 CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ																		
a NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THUY LỢI VÀ THỦY SẢN																		
1	Hàng loạt khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (kết nối hạ tầng kênh chính, kênh cấp 1, 2, 3 và kênh nhỏ)	Ban QLDA DTXD tỉnh và Trung ương	xã Hưng Thuận - thị xã Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	285		Kiến tạo hồ chứa và hệ thống tưới tiêu	2023-2025		250.000	272.812		100.000	100.000				
2	Tuyến kênh khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (kết nối hạ tầng kênh chính, kênh cấp 1, 2, 3 và kênh nhỏ)	Ban QLDA DTXD ngành NNPTNT	huyện Châu Thành và Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933894	283	Kiến tạo hồ chứa và hệ thống tưới tiêu	2023-2026	2303/QĐ-UBND 20/9/2021	100.000	600.000		30.000	30.000				
b GIAO THÔNG																		
1	Đường Trường Chinh (đoạn từ DT.781 đến đường 30/4)	Ban QLDA DTXD ngành giao thông	TP. Tây Ninh và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	292		Chiều dài tuyến 7,14Km	2024-2027		700.000	1.351.137		40.000	40.000				
2	Đường DT.784C (Bàu Nằng - Bàu Cúp)	Ban QLDA DTXD ngành giao thông	Huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	292		Chiều dài 3,1km	2024-2027		100.000	221.231		35.000	35.000				
3	Nâng cấp đường kết nối với cầu Kiều quốc tế Tân Nam (đoạn từ Đỉnh bên phải của cầu Kiều quốc tế Tân Nam đến ngã ba giao DT.788 và DT.783)	Ban QLDA DTXD ngành giao thông	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	292		Chiều dài tuyến khoảng 11 km	2024-2025		20.000	173.687		10.000	10.000				
4	Đường Bàu Lớn (đoạn từ ngã ba Lâm Vồ đến ngã tư Đại Đồng)	Ban QLDA DTXD ngành giao thông	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	292			2024-2027		300.000	330.000		20.000	20.000				
c CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÓ THỊ, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÓ THỊ MỚI																		
1	Nghĩa địa đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ cầu Quan đến đường Điện Biên Phủ)	BQLDA DTXD ngành Giao thông	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh			Chiều dài tuyến khoảng 4,65Km	2023-2025		460.000	510.042		50.800	50.800				
II.3 THANH TOÁN KHỎI LƯỢNG ĐÁ VÀ ĐÀNG THỰC HIỆN																		
A.2 TÍNH HỒ TỎ MỤC TIÊU																		
1	Xây dựng nông thôn mới									5.421.000		3.505.362	1.080.000			1.080.000		
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trung đô thị)									2.502.000		1.737.144	450.000			450.000		
										1.260.000		826.511	250.000			250.000		

IN DẠ...

STT	Dự án	Chức năng	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư	QĐ đầu tư (dấu chính nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn nhà đầu tư khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu năm 2024	Trung đại:				Chi chủ
															Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất, thuế đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn lợi chi ngân sách địa phương	
3	Hỗ trợ khác										1.371.000		941.707	250.000			250.000		
4	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025										28.000			10.000			10.000		
5	Hỗ trợ Dự án xây dựng trụ sở làm việc, trưng thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025										50.000			20.000			20.000		
6	Hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng trụ sở vật chất cho Chương trình giảm nghèo bền vững và giảm nghèo phi nông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ										210.000			100.000			100.000		
B	NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ													528.000	220.000	308.000			